

**HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT
VÀ TRẺ MỒ CÔI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 279/HBT

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2020

V/v tạo điều kiện trong việc điều tra đường tiếp
cận cho NKT tại các công trình công cộng

VAN PHÒNG UBND T LẠNG SON	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày:.....
Chuyên:.....	

Kính gửi: Lãnh đạo UBND tỉnh Lạng Sơn

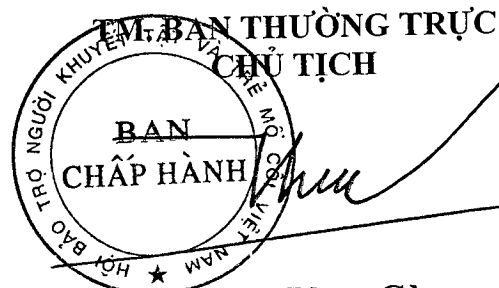
~~Bảo đảm tiếp~~ cận các công trình công cộng, tiếp cận giao thông là vấn đề cốt yếu hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội không vật cản đối với người khuyết tật; là yếu tố quyết định thúc đẩy thực hiện quyền của người khuyết tật, tạo cơ hội để người khuyết tật hòa nhập và phát triển. Vì vậy ngay sau khi Luật NKT có hiệu lực, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 5/8/2012 phê duyệt Đề án: “Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 - 2020”, trong đó có một chỉ tiêu hết sức quan trọng và cụ thể là đến năm 2020, 100% công trình là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục, thể thao; nhà chung cư... bảo đảm tiếp cận cho NKT. Tuy nhiên đến nay, nhìn chung việc tiếp cận của người khuyết tật tại hầu hết các công trình công cộng, công trình phúc lợi, cơ quan, công sở... vẫn rất khó khăn.

Để có căn cứ, cơ sở tham gia với các cơ quan Nhà nước trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn (2021 - 2030) vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam tiến hành điều tra thống kê để đánh giá tình hình thực hiện đường tiếp cận cho người khuyết tật tại các công trình công cộng và nguyên nhân của tình trạng trên. Để cuộc điều tra đạt kết quả tốt, Trung ương Hội kính đề nghị UBND tỉnh Lạng Sơn quan tâm, tạo điều kiện cho Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Lạng Sơn tiến hành điều tra tại các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh (Nội dung và các hạng mục điều tra theo Phương án điều tra đính kèm).

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr TƯ Hội;
- Tỉnh Hội Lạng Sơn;
- Ban Bảo trợ, KH-TC;
- Lưu: VT.



Lương Phan Cừ



**HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT
VÀ TRẺ MỒ CÔI VIỆT NAM**

**BAN
CHẤP HÀNH**

PHƯƠNG ÁN

Điều tra thống kê kết quả thực hiện chỉ tiêu: “Bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với Người khuyết tật” tại các công trình công cộng theo Đề án 1019
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 181/QĐ-HBT ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam)

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1.1. Mục đích

Bảo đảm tiếp cận các công trình công cộng, tiếp cận giao thông là vấn đề cốt yếu hướng tới mục tiêu xây dựng một xã hội không vật cản đối với người khuyết tật; là yếu tố quyết định thúc đẩy thực hiện quyền của người khuyết tật, tạo cơ hội để người khuyết tật hòa nhập và phát triển. Vì vậy ngay sau khi Luật NKT có hiệu lực, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 5/8/2012 phê duyệt Đề án: “Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020”, trong đó có một chỉ tiêu hết sức quan trọng và cụ thể là đến năm 2020, 100% công trình là trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục, thể thao; nhà chung cư... bảo đảm tiếp cận cho NKT. Năm 2020 là năm kết thúc thực hiện Đề án, các Bộ ngành, địa phương có trách nhiệm tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đề án và đề xuất Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một đề án mới cho giai đoạn 10 năm tiếp theo. Với chức năng giám sát xã hội của mình, Hội Bảo trợ NKT và TMC cần tiến hành một cuộc điều tra, khảo sát việc thực hiện Đường xe lăn cho NKT tại các công trình công cộng ở nước ta nhằm đáp ứng các mục đích chính là đánh giá đúng tình hình và kết quả thực hiện chỉ tiêu bảo đảm tiếp cận các công trình công cộng đối với NKT tại thời điểm điều tra theo từng loại công trình, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả đó. Từ các nguyên nhân đề xuất với Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành, địa phương các giải pháp phù hợp cho giai đoạn tới nhằm thúc đẩy cải thiện tình hình thực tế hiện nay.

1.2. Yêu cầu

a. Quy mô mẫu điều tra bảo đảm đủ lớn để kết quả điều tra có thể suy rộng cho cả nước, phản ánh đúng tình hình thực tế hiện nay.

b. Đảm bảo thông tin ghi trên phiếu điều tra chính xác, đầy đủ, rõ ràng, đồng nhất, không trùng lặp, không bỏ sót, không tẩy xóa, phù hợp nhu cầu phản ánh và năng lực của đội ngũ điều tra viên;

c. Công tác xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ kết quả cuộc điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng tiến độ của cuộc điều tra;

d. Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra phải bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

2. ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ, PHẠM VI ĐIỀU TRA

2.1. Đối tượng điều tra:

a- Đối tượng điều tra thống kê Là các công trình công cộng, công trình phúc lợi xã hội phục vụ đời sống nhân dân, tập trung vào các lĩnh vực: Y-tế, giáo dục, đào tạo văn hóa, thể thao, các công sở, cơ sở cung cấp dịch vụ cho người dân gồm:

- Trụ sở Đảng, chính quyền, các cơ quan chức năng;
- Trường học, các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề;
- Trung tâm dịch vụ, giới thiệu việc làm;
- Bệnh xá, các trung tâm y tế;
- Hội trường, Nhà văn hóa; rạp chiếu phim, bảo tàng
- Trung tâm thể thao; nhà thi đấu, sân vận động;
- Nhà ga, bến tàu, bến xe;

Ở mỗi đơn vị điều tra (xã, huyện, tỉnh) sẽ xác định danh mục các công trình để điều tra thống kê về đường tiếp cận một cách thống nhất, phù hợp với từng cấp, không điều tra tất cả các công trình mà chỉ điều tra các công trình thiết yếu với người khuyết tật.

- Đối tượng phỏng vấn ghi bảng hỏi là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu hoặc người trực tiếp quản lý công trình, mỗi phiếu điều tra **chỉ cần hỏi một người thuộc một trong số các công trình trong phiếu điều tra chưa có đường xe lăn cho NKT do điều tra viên tự chọn.**

2.2. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là cấp xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố); tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương);

2.3. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra được thực hiện trên phạm vi 45 tỉnh, thành phố có Hội thành viên.

3. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA

3.1. Nội dung điều tra: Đường xe lăn cho NKT tại các công trình công cộng, công trình phúc lợi xã hội, công sở.

3.2. Phiếu điều tra: Điều tra thống kê việc thực hiện làm đường xe lăn cho NKT tại các công trình công cộng, công trình phúc lợi, công sở theo Đề án 1019, sử dụng 03 loại phiếu: Phiếu số 01 dùng cho cấp tỉnh, phiếu số 02 cho cấp huyện, phiếu số 03 dùng cho cấp xã. Phiếu gồm 2 phần chính: phần điều tra thống kê hiện trạng về đường xe lăn cho NKT và phần câu hỏi, phỏng vấn cá nhân, người quản lý sử dụng công trình;

4. THỜI ĐIỂM VÀ THỜI GIAN ĐIỀU TRA

4.1. Thời điểm: Thời điểm điều tra là ngày 01/8/2020.

4.2. Thời gian điều tra: Thời gian thu thập thông tin tối đa 45 ngày, từ ngày 01/8/2020 đến ngày 15/9/2020.

5. CÁC BẢNG PHÂN LOẠI, DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Cuộc điều tra có thể sử dụng Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ, được cập nhật đến thời điểm điều tra.

6. LOẠI ĐIỀU TRA, PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU VÀ THU THẬP THÔNG TIN

6.1. Loại điều tra: Cuộc điều tra được thực hiện theo phương pháp điều tra chọn mẫu.

6.2. Phương pháp chọn mẫu: cuộc điều tra sử dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất, trên cơ sở nhận định tổng quan cho từng cấp đơn vị hành chính, cho

từng khu vực thành thị, đồng bằng và miền núi, dựa vào danh sách, số lượng đơn vị hành chính để chọn cỡ mẫu đủ đảm bảo tính đại diện số lớn.

6.3. Cỡ mẫu: 45 tỉnh, thành phố có hội thành viên, phân bố đều khắp cả nước, có cả thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi; đại diện cho tất cả các vùng kinh tế khác nhau: Các tỉnh trung du và miền núi phía bắc, Đồng bằng sông hồng, Duyên hải miền trung và Tây nguyên; miền đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, vì vậy điều tra thống kê tất cả 45 đơn vị cấp tỉnh này sẽ đảm bảo phản ánh được tình hình chung ở cấp tỉnh của cả nước.

- Mỗi tỉnh, thành phố lấy 40% số đơn vị hành chính cấp huyện để điều tra; 45 tỉnh có tổng cộng 541 đơn vị hành chính cấp huyện, lấy 40% sẽ là 216 đơn vị được điều tra, bình quân mỗi tỉnh sẽ có 5 đơn vị cấp huyện được điều tra. Tuy nhiên tùy thuộc số lượng đơn vị cấp huyện của mỗi tỉnh, phụ thuộc vào hệ thống tổ chức Hội của các tỉnh (có Hội cấp huyện hay không có Hội cấp huyện) điều kiện địa lý, giao thông đi lại (thành thị, đồng bằng hay miền núi), Ban chỉ đạo sẽ điều chỉnh phân bổ cụ thể số lượng đơn vị cần điều tra của mỗi tỉnh cho phù hợp vừa đảm bảo các Hội hoàn thành tốt cuộc điều tra, vừa đảm bảo tính đại diện, phản ánh đúng hiện trạng đường xe lãn cho NKT tại các công trình, đảm bảo mục tiêu của cuộc điều tra.

- Trong 216 đơn vị hành chính cấp huyện được chọn điều tra có tổng số 3240 đơn vị hành chính cấp xã (bình quân mỗi đơn vị cấp huyện trong mẫu có 15 đơn vị hành chính cấp xã). Chọn 50% số xã để điều tra sẽ là 1620 đơn vị, bình quân mỗi tỉnh sẽ điều tra thống kê tại 36 xã.

Như vậy tổng quy mô mẫu điều tra là:

+ 45 đơn vị cấp tỉnh đạt 71,14%

+ 216 đơn vị cấp huyện đạt 30,55% số đơn vị cấp huyện cả nước (216/ 707);

+ 1620 đơn vị cấp xã đạt 15,26 % số đơn vị cấp xã của cả nước (1620/ 10614);

Bình quân mỗi tỉnh, thành Hội sẽ đảm nhiệm điều tra 42 đơn vị, tương ứng 42 phiếu điều tra gồm: 01 phiếu điều tra cấp tỉnh, 05 phiếu điều tra cấp huyện và 36 phiếu điều tra cấp xã.

6.4. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra viên mang theo giấy giới thiệu của tỉnh, thành Hội (nếu cần), trực tiếp đến đơn vị đối tượng điều tra trình bày nội dung, mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra và đề nghị đơn vị giúp đỡ tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ; sau đó trực tiếp quan sát và ghi thông tin vào phiếu điều tra.

Phiếu điều tra gồm 2 phần:

- Ghi trực tiếp theo phương pháp điều tra thống kê;

- Phỏng vấn trực tiếp cán bộ lãnh đạo, quản lý công trình.

* Trước khi thực hiện thu thập thông tin, các điều tra viên được tập huấn giới thiệu mục đích, ý nghĩa, nội dung, cách ghi phiếu, cách phỏng vấn, đánh giá chất lượng phiếu điều tra...

Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chưa rõ, điều tra viên cần gợi ý thêm để các cá nhân cung cấp hoặc giải thích để hoàn thiện phiếu điều tra. Điều tra viên chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra. Điều tra viên

tuyệt đối không được tự ý ghi chép vào phiếu những thông tin giả tạo, không có thực; không đến công trình mà ghi phiếu theo cách phỏng đoán.

7. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN, TỔNG HỢP VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

7.1. Phương pháp xử lý thông tin, tổng hợp

7.1.1. Phương pháp nhập tin:

Phiếu điều tra được xử lý tổng hợp tập trung bằng máy tính, nhập tin bằng bàn phím trên phần mềm được viết riêng cho cuộc điều tra;

7.1.2. Quy trình và cách thức tổng hợp dữ liệu:

Các điều tra viên có trách nhiệm thu thập phiếu điều tra, kiểm tra, làm sạch phiếu trước khi gửi về Hội Bảo trợ NKT&TMC Việt Nam (Ban Chỉ đạo ĐT). Ban CĐĐT của Hội Bảo trợ NKT&TMC VN tổ chức phúc tra phiếu tại một số địa phương trước khi tiếp nhận phiếu về Hội; tiến hành xử lý toàn bộ số liệu điều tra thống kê việc thực hiện Đường xe lăn cho NKT tại các công trình công cộng theo Đề án 1019. Dữ liệu sẽ được tổng hợp tự động theo các biểu đầu ra bằng phần mềm.

7.2. Biểu đầu ra:

Nội dung biểu đầu ra là kết quả đảm bảo tiếp cận của từng loại công trình, từng cấp chính quyền địa phương theo nội dung phiếu điều tra.

8. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Kế hoạch thực hiện các nội dung chính của cuộc điều tra như sau:

Thời gian	Nội dung	Cơ quan chủ trì
Tháng 05-06/2020	Xây dựng Phương án điều tra, phiếu điều tra và xây dựng bản hướng dẫn điền phiếu điều tra, lập dự toán.	Ban Chỉ đạo ĐTTW
Tháng 7/2020	Hoàn thành Phương án điều tra, phiếu điều tra, dự toán trình Chủ tịch phê duyệt. Lập danh sách đối tượng điều tra.	Ban Chỉ đạo ĐTTW
	- Tổ chức quán triệt, tập huấn nghiệp vụ điều tra cho cán bộ các tỉnh thành Hội - Ký kết hợp đồng điều tra, phát phiếu điều tra kèm phương án điều tra cho BCD điều tra ĐP.	
Tháng 7/2020	- Xây dựng chương trình nhập tin, xử lý và tổng hợp phiếu điều tra. - Xây dựng hệ biểu tổng hợp kết quả đầu ra.	
Tháng 8 - 15/9/2020	- Các tỉnh, thành Hội làm công tác chuẩn bị, xác định, lựa chọn địa bàn cấp huyện, cấp xã theo tiêu chí của BCD, tập huấn cho điều tra viên cấp huyện Hội (nếu có). - Triển khai điều tra tại địa bàn và kết thúc trước ngày 15/9/2020.	Ban Chỉ đạo ĐT tại địa phương
	BCD phúc tra một số địa phương; các tỉnh, thành Hội bàn giao phiếu về Ban Chỉ đạo điều tra trước 15/9/2020.	
Từ 16/9/2020 -	Nhập tin, xử lý, tổng hợp, biên soạn và phân tích kết quả điều tra bao gồm:	Ban Chỉ đạo ĐTTW

Thời gian	Nội dung	Cơ quan chủ trì
30/11/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Làm sạch phiếu điều tra; - Nhập tin phiếu điều tra; - Xử lý, tổng hợp kết quả điều tra; - Viết báo cáo tổng hợp; - Báo cáo kết quả điều tra với UBND về NKT, các cơ quan có liên quan. 	
	- Điều chỉnh dự toán theo thực tế	

9. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU TRA

9.1. Công tác tổ chức chỉ đạo và thực hiện

Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam thành lập ban chỉ đạo cuộc điều tra, chủ trì và phối hợp với các Hội cấp tỉnh thực hiện Điều tra thống kê việc thực hiện Đường xe lăn cho NKT tại các công trình công cộng theo Đề án 1019 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án điều tra quy định. Địa chỉ liên lạc:

Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam

Số 2 Ngô Thì Nhậm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 0243.8263026 - 024 39446670

Email: trunguonghoi.asvho@gmail.com

9.2. Công tác giám sát, kiểm tra

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc Điều tra, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện việc giải đáp tháo gỡ kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện của các địa phương. Giám sát và tiên hành phúc tra tại một số địa phương để đảm bảo tính nghiêm túc trong triển khai và chất lượng điều tra ở các địa phương.

Các tỉnh, thành Hội có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, giám sát việc thực hiện của các hội huyện, của điều tra viên; có trách nhiệm kiểm tra tất cả các phiếu điều tra cả về nội dung, tính logic, kiểm tra số học, các quy định hành chính bắt buộc (chữ ký...).

9.3. Tổ chức nghiệm thu phiếu

Các tỉnh, thành Hội gửi phiếu điều tra về Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam bằng đường bưu điện, trên bì thư ghi rõ Phiếu điều tra. Thời gian nghiệm thu từ ngày 01- 15 tháng 11 năm 2020.

Nội dung nghiệm thu bao gồm: số lượng, chất lượng, phiếu đã điều tra; 02 Biên bản bàn giao phiếu theo mẫu của BCD có xác nhận của điều tra viên và lãnh đạo tỉnh, thành Hội. Sau khi kiểm tra phiếu đúng số lượng và đạt chất lượng, Ban chỉ đạo ĐTTU Hội sẽ ký Biên bản bàn giao và gửi 01 Biên bản bàn giao kèm thanh lý hợp đồng về tỉnh, thành hội.

Trong trường hợp Ban chỉ đạo ĐTTU phát hiện địa phương nào gửi thiếu phiếu hoặc có phiếu chưa đạt chất lượng sẽ đề nghị Ban chỉ đạo ĐT địa phương đó gửi bổ sung phiếu hoặc điều tra lại các phiếu đó.

10. KINH PHÍ

Kinh phí triển khai Điều tra thống kê kết quả thực hiện chỉ tiêu: “Bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với Người khuyết tật” tại các công trình công cộng theo Đề án 1019 từ nguồn ngân sách Nhà nước giao cho Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam năm 2020.

Chế độ chi triển khai Điều tra thống kê kết quả thực hiện chỉ tiêu: “Bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với Người khuyết tật” tại các công trình công cộng theo Đề án 1019 được thực hiện theo Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo chế độ tài chính hiện hành, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra.

11. PHỤ LỤC

1. Danh sách phân bổ đơn vị điều tra;
2. Phiếu điều tra thống kê mẫu 01 dành cho cấp tỉnh;
3. Phiếu điều tra thống kê mẫu 02 dành cho cấp huyện;
4. Phiếu điều tra thống kê mẫu 03 dành cho cấp xã;
5. Hướng dẫn lựa chọn địa bàn lập danh sách các huyện, xã thuộc diện điều tra và ghi phiếu điều tra.

DANH SÁCH PHÂN BỐ ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

STT	Tỉnh (Thành) Hội	Tổng số đơn vị hành chính		Tổng số phiếu điều tra	Chia ra			Ghi chú
		Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh (TP)	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh An Giang	11	154	45	1	4	40	
2	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Bình Định	11	159	35	1	4	30	
3	Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Dương	9	91	44	1	3	40	
4	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Bình Thuận	10	124	34	1	3	30	
5	Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh Bình Phước	11	111	34	1	3	30	
6	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin và Bảo trợ xã hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	8	66	44	1	3	40	
7	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Bắc Giang	10	209	44	1	3	40	
8	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Bắc Kạn	8	108	12	1	3	8	
9	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Bắc Ninh	8	126	45	1	4	40	
10	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Cà Mau	9	101	34	1	3	30	
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Cao Bằng	12	159	15	1	3	11	
12	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi TP. Đà Nẵng	8	56	46	1	5	40	
13	Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh Đồng Tháp	12	144	45	1	4	40	
14	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Đắk Lắk	15	188	35	1	4	30	
15	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi, người mù tỉnh Điện Biên	10	129	13	1	2	10	

STT	Tỉnh (Thành) Hội	Tổng số đơn vị hành chính		Tổng số phiếu điều tra	Chia ra			Ghi chú
		Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh (TP)	Cấp huyện	Cấp xã	
16	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Gia Lai	17	220	34	1	3	30	
17	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi TP. Hà Nội	30	528	101	1	20	80	
18	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Hà Tĩnh	13	216	45	1	4	40	
19	Hội Bảo trợ người khuyết tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh Hậu Giang	8	76	44	1	3	40	
20	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Hải Dương	12	220	46	1	5	40	
21	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi TP. Hải Phòng	15	223	47	1	6	40	
22	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Hòa Bình	10	151	34	1	3	30	
23	Hội Bảo trợ người tàn tật, trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh Khánh Hòa	9	139	34	1	3	30	
24	Hội Bảo vệ quyền trẻ em và bảo trợ người khuyết tật tỉnh Kon Tum	10	102	34	1	3	30	
25	Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Lâm Đồng	12	144	34	1	3	30	
26	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Lạng Sơn	11	200	15	1	3	11	
27	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Nghệ An	21	460	96	1	15	80	
28	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Phú Thọ	13	277	35	1	4	30	
29	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Phú Yên	9	110	34	1	3	30	
30	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Quảng Bình	8	151	34	1	3	30	
31	Hội Bảo trợ người khuyết tật, quyền trẻ em và bệnh nhân nghèo tỉnh Quảng Nam	18	241	35	1	4	30	
32	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Quảng Ninh	13	177	47	1	6	40	

STT	Tỉnh (Thành) Hội	Tổng số đơn vị hành chính		Tổng số phiếu điều tra	Chia ra			Ghi chú
		Cấp huyện	Cấp xã		Cấp tỉnh (TP)	Cấp huyện	Cấp xã	
33	Hội Người khuyết tật, nạn nhân da cam, bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Quảng Trị	10	125	34	1	3	30	
34	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Sơn La	12	200	14	1	3	10	
35	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Tây Ninh	9	94	34	1	3	30	
36	Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Tiền Giang	11	171	34	1	3	30	
37	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Thanh Hóa	27	559	121	1	20	100	
38	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Thái Bình	8	260	45	1	4	40	
39	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Thừa Thiên Huế	9	145	34	1	3	30	
40	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi TP. Hồ Chí Minh	24	322	121	1	20	100	
41	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh Thái Nguyên	9	178	34	1	3	30	
42	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh Tuyên Quang	7	138	34	1	3	30	
43	Hội Bảo trợ người khuyết tật và nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh Trà Vinh	9	106	34	1	3	30	
44	Hội người khuyết tật, bảo trợ trẻ mồ côi và bệnh nhân nghèo tỉnh Vĩnh Long	8	107	34	1	3	30	
45	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Vĩnh Phúc	9	136	34	1	3	30	
	Tổng:	533	8.101	1881	45	216	1.620	

PHIẾU ĐIỀU TRA THỐNG KÊ

Đường xe lăn cho người khuyết tật tại các công trình công cộng

Tỉnh (Thành phố):.....

I. Hiện trạng đường xe lăn cho người khuyết tật tại các công trình phúc lợi, công cộng.

MỤC	LOẠI CÔNG TRÌNH	THỜI GIAN XÂY DỰNG		ĐƯỜNG XE LĂN	
		Trước 2012	Sau 2012	Có	Không
1	Trụ sở HĐND, UBND tỉnh				
2	Trụ sở tiếp công dân				
3	Trụ sở Sở LĐ-TB&XH				
4	Trụ sở Sở GD-ĐT				
5	Trụ sở Sở TN-MT				
6	Trụ sở Sở Xây dựng				
7	Trụ sở Sở Tư Pháp				
8	Trụ sở BHXH tỉnh				
9	Trường Đại học của tỉnh (TP)				
10	Trường cao đẳng:				
	+ Trường Cao đẳng thứ nhất				
	+ Trường Cao đẳng thứ 2				
	+ Trường Cao đẳng thứ 3				
11	Trường Trung cấp nghề:				
	+ Trường Trung cấp nghề thứ 1				
	+ Trường Trung cấp nghề thứ 2				
	+ Trường Trung cấp nghề thứ 3				
12	Trung tâm dạy nghề:				
	+ Trung tâm dạy nghề thứ 1				
	+ Trung tâm dạy nghề thứ 2				
	+ Trung tâm dạy nghề thứ 3				
13	Trung tâm dịch vụ và giới thiệu việc làm				
14	Trung tâm hội nghị				
15	Thư viện tỉnh				
16	Bảo tàng lịch sử tỉnh				
17	Rạp chiếu phim				
18	Nhà hát				
19	Nhà thi đấu thể thao				
20	Phòng bán vé bến xe khách				

II. Phần phiếu hỏi: (Phòng vấn một người là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu hoặc người trực tiếp quản lý của một trong số các công trình chưa có đường tiếp cận trong danh mục ở phần I).

Câu 1: Xin Ông (bà) vui lòng cho biết chức danh hiện tại của mình?

- Người đứng đầu
- Cấp phó của người đứng đầu.....
- Người được phân công quản lý công trình.....

Câu 2: Ông (bà) có biết về Quyết định số 1019/QĐ-TTg, ngày 5/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020?

- Có
- Không

Câu 3: Nếu có, ông (bà) biết nội dung Quyết định số 1019 từ kênh thông tin nào dưới đây?

- Từ văn bản chỉ đạo, Đề án, Kế hoạch thực hiện do UBND tỉnh, thành phố gửi xuống
- Từ các báo, đài, phương tiện truyền thông.....
- Từ các hội nghị, hội thảo mà ông (bà) tham dự

Câu 4: Xin ông (bà) vui lòng cho biết lý do nào dưới đây khiến công trình chưa có đường xe lăn cho người khuyết tật?

- Không nhận được văn bản chỉ đạo
- Trong thiết kế không có đường dốc cho xe lăn.....
- Trong thiết kế có đường dốc cho xe lăn nhưng không làm vì tăng kinh phí
- Nếu làm đường xe lăn sẽ làm xấu công trình.....
- Không có mặt bằng để làm bổ sung.....
- Không có kinh phí.....
- Không thấy cần thiết phải có đường xe lăn.....
- Đơn vị cơ quan không có người khuyết tật đi xe lăn.....
- Không có người khuyết tật đi xe lăn đến giao dịch.....
- Không thấy cấp trên, cơ quan chức năng kiểm tra, nhắc nhở.

Điều tra viên
(Ký tên)

Xác nhận của đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

PHIẾU ĐIỀU TRA THỐNG KÊ

Đường xe lăn cho người khuyết tật tại các công trình công cộng

Tỉnh (Thành phố):.....

Huyện (Quận, thành phố, thị xã):.....

I. Hiện trạng đường xe lăn cho người khuyết tật tại các công trình phúc lợi, công cộng.

MỤC	LOẠI CÔNG TRÌNH	THỜI GIAN XÂY DỰNG		ĐƯỜNG XE LĂN	
		Trước 2012	Sau 2012	Có	Không
1	Trụ sở HĐND, UBND				
2	Phòng tiếp công dân				
3	Phòng LĐTBXH				
4	Phòng GDĐT				
5	Phòng TNMT				
6	Phòng Xây dựng				
7	Phòng Tư Pháp				
8	Trụ sở BHXH tỉnh				
9	Bộ phận một cửa				
10	Trường THPT:				
	Trường THPT (thứ 1)				
	Trường THPT (thứ 2)				
	Trường THPT (thứ 3)				
11	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GD thường xuyên				
12	Trung tâm y tế huyện				
13	Trung tâm thể thao				
14	Hội trường huyện				

II. Phần phiếu hỏi: (Phỏng vấn một người là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu hoặc người trực tiếp quản lý của một trong số các công trình chưa có đường tiếp cận trong danh mục ở phần I).

Câu 1: Xin Ông (bà) vui lòng cho biết chức danh hiện tại của mình?

- Người đứng đầu
- Cấp phó của người đứng đầu.....
- Người được phân công quản lý công trình.....

Câu 2: Ông (bà) có biết về Quyết định số 1019/QĐ-TTg, ngày 5/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020?

- Có
- Không

Câu 3: Nếu có, ông (bà) biết nội dung Quyết định số 1019 từ kênh thông tin nào dưới đây?

- Từ văn bản chỉ đạo, Đề án, Kế hoạch thực hiện do UBND tỉnh, thành phố gửi xuống
- Từ các báo, đài, phương tiện truyền thông.....
- Từ các hội nghị, hội thảo mà ông (bà) tham dự

Câu 4: Xin ông (bà) vui lòng cho biết lý do nào dưới đây khiến công trình chưa có đường xe lăn cho người khuyết tật?

- Không nhận được văn bản chỉ đạo
- Trong thiết kế không có đường dốc cho xe lăn.....
- Trong thiết kế có đường dốc cho xe lăn nhưng không làm vì tăng kinh phí
- Nếu làm đường xe lăn sẽ làm xấu công trình.....
- Không có mặt bằng để làm bổ sung.....
- Không có kinh phí.....
- Không thấy cần thiết phải có đường xe lăn.....
- Đơn vị cơ quan không có người khuyết tật đi xe lăn.....
- Không có người khuyết tật đi xe lăn đến giao dịch.....
- Không thấy cấp trên, cơ quan chức năng kiểm tra, nhắc nhở.

Điều tra viên
(Ký tên)

Xác nhận của đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

PHIẾU ĐIỀU TRA THỐNG KÊ

Đường xe lăn cho người khuyết tật tại các công trình công cộng

Tỉnh (Thành phố):.....

Huyện (Quận, thành phố, thị xã):.....

Xã (Phường, thị trấn):.....

I. Hiện trạng đường xe lăn cho người khuyết tật tại các công trình phúc lợi, công cộng

MỤC	LOẠI CÔNG TRÌNH	THỜI GIAN XÂY DỰNG		ĐƯỜNG XE LĂN	
		Trước 2012	Sau 2012	Có	Không
1	Trụ sở UBND xã				
2	Trường Tiểu học				
	+ Trường Tiểu học (1)				
	+ Trường Tiểu học (2)				
	+ Trường Tiểu học (3)				
3	Trường THCS				
	+ Trường THCS (1)				
	+ Trường THCS (2)				
	+ Trường THCS (3)				
4	Trạm y tế				
5	Nhà văn hóa thôn				
	+ Thôn (1).....				
	+ Thôn (2).....				
	+ Thôn (3).....				

II. Phần phiếu hỏi: (Phỏng vấn một người là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu hoặc người trực tiếp quản lý của một trong số các công trình chưa có đường tiếp cận trong danh mục ở phần I).

Câu 1: Xin Ông (bà) vui lòng cho biết chức danh hiện tại của mình?

- Người đứng đầu
- Cấp phó của người đứng đầu.....
- Người được phân công quản lý công trình.....

Câu 2: Ông (bà) có biết về Quyết định số 1019/QĐ-TTg, ngày 5/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020?

- Có
- Không

Câu 3: Nếu có, ông (bà) biết nội dung Quyết định số 1019 từ kênh thông tin nào dưới đây?

- Từ văn bản chỉ đạo, Đề án, Kế hoạch thực hiện do UBND tỉnh, thành phố gửi xuống
- Từ các báo, đài, phương tiện truyền thông.....
- Từ các hội nghị, hội thảo mà ông (bà) tham dự

Câu 4: Xin ông (bà) vui lòng cho biết lý do nào dưới đây khiến công trình chưa có đường xe lăn cho người khuyết tật?

- Không nhận được văn bản chỉ đạo
- Trong thiết kế không có đường dốc cho xe lăn.....
- Trong thiết kế có đường dốc cho xe lăn nhưng không làm vì tăng kinh phí
- Nếu làm đường xe lăn sẽ làm xấu công trình.....
- Không có mặt bằng để làm bổ sung.....
- Không có kinh phí.....
- Không thấy cần thiết phải có đường xe lăn.....
- Đơn vị cơ quan không có người khuyết tật đi xe lăn.....
- Không có người khuyết tật đi xe lăn đến giao dịch.....
- Không thấy cấp trên, cơ quan chức năng kiểm tra, nhắc nhở.

Điều tra viên
(Ký tên)

Xác nhận của đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)